

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

Bản án số: 37/2025/HS-ST

Ngày: 12-8-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Nở, ông Đinh Thế Khẩn, bà Lý Thị Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lưu Xuân Trường- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2025/TLST - HS, ngày 11 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/ QĐXXST- HS ngày 31 tháng 7 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Giàng A N** ; Sinh ngày 01/01/19xx, tại tỉnh Lai Châu; Nơi thường trú và chỗ ở: Bản T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (*nay là tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Lai Châu*); Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; CCCD: 012066000xxx, cấp ngày 25/4/2021, nơi cấp Cục C06, Bộ Công an; Con ông Giàng A K (đã chết) và bà Phàng Thị D (đã chết); Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Vàng Thị M, Bị cáo có 10 con;

Tiền sự: không; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/10/2024, tạm giam từ ngày 29/10/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Bản án số 291/2012/HSPT, ngày 30/5/2012 của Tòa án nhân dân tối cao áp dụng: điểm p khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS 1999 xử phạt Giàng A N 04 năm 06 tháng tù; khoản 1 Điều 198, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS 1999 xử phạt Giàng A N 02 năm tù. Áp dụng Điều 50 tổng hợp hình phạt 6 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2011 (bị cáo đã được xóa án tích).

2. Họ và tên: **Thào A S** ; Sinh ngày 15/4/19xx, tại tỉnh Lai Châu; Nơi thường trú và chỗ ở: Bản L, xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (*nay là bản L, xã D, tỉnh Lai Châu*); Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; CCCD: 012096003xxx, cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp Cục CS QLHC về TTXH, Bộ Công an; Con ông Thào A P và bà Vàng Thị C; Gia đình bị có có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Chồ Thị C, Bị cáo có 02 con;

Tiền sự: không; Tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/10/2024, tạm giam từ ngày 29/10/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Nguyễn Thị N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tao Văn L; sinh năm 19xx; địa chỉ: Bản H xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (*nay là bản H, xã K, tỉnh Lai Châu*) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó Giàng A N đi chơi, gặp đối tượng tên là N1 có số điện thoại 0325917xxx ở huyện T, tỉnh Lai Châu (N không rõ nhân thân, lý lịch cụ thể của N1), được N1 trao đổi hỏi mua 02 bánh Heroine trở lên với giá 100.000.000đồng/01 bánh nên N đã tìm mua. Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 19/10/2024, Giàng A N dùng số điện thoại 0815624xxx của N đang sử dụng gọi đến số điện thoại 0852168xxx (ban đầu N không biết số điện thoại đó là của Thào A S) để trao đổi mua 02 bánh Heroine. Thào A S bảo N đi đến bãi rác đầu thành phố thuộc địa phận bản H, xã S, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (*nay là tổ dân phố H, phường D, tỉnh Lai Châu*) để giao dịch mua bán. Giàng A N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25F3-4189 của N đi đến điểm hẹn thì gặp S đang đứng đợi, N hỏi S hàng đâu, S chỉ vào bụi cây cách mép đường khoảng 03 đến 04 mét và bảo N tự lấy. Giàng A N đi vào bụi cây thấy một túi nilon màu xanh hình chữ nhật đựng 02 bánh Heroine, N cầm lên cho vào cặp quần phía trước bụng, N hỏi S giá bao nhiêu tiền 01 bánh, S trả lời 90.000.000 đồng/01 bánh. Giàng A N nói chưa có tiền khi nào bán được thì sẽ trả tiền cho S, S đồng ý. Sau đó, Giàng A N điều khiển xe về khu vực đồi chè thuộc bản C, xã S, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (*nay là tổ dân phố C, phường D, tỉnh Lai Châu*) cất giấu 02 bánh Heroine.

Khoảng 19 giờ ngày 20/10/2024, Giàng A N gọi điện cho N1, hướng dẫn N1 đến địa chỉ mua bán ma túy. Gọi cho N1 xong, N đi đến chỗ giấu 02 bánh Heroine từ trước, di chuyển 02 bánh Heroine ra gần mép đường bê tông khu vực đồi chè thuộc bản C, xã S, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (*nay là tổ dân phố C, phường D, tỉnh Lai Châu*) để đợi N1. Khi thấy xe ô tô của N1 đến, N đi ra gặp N1 thì nhìn thấy lực lượng Công an, N bỏ chạy nhưng bị khống chế bắt giữ. Sau đó, N tự giác đưa lực lượng Công an đến vị trí cất giấu 02 bánh Heroine để thu giữ và lập biên bản sự việc, còn N1 lên xe bỏ chạy thoát. 02 bánh Heroine thu giữ của N có khối lượng **696,49 gam**. Cơ quan điều tra trích ra 2,49 gam gửi giám định. Từ lời khai và sự hợp tác của N về số điện thoại 0852168xxx, Cơ quan điều tra đã bắt giữ được Thào A S. Tại cơ quan điều tra S thừa nhận toàn bộ sự việc mua bán ma túy của S.

Bản kết luận giám định số: 1163/GĐ– KTHS, ngày 22/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận: 02 (hai) mẫu *chất bột, màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Heroine (Heroin)*... ” không hoàn lại đối tượng giám định.

Bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSLC-P1, ngày 10/6/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Giàng A N, Thào A S về tội “**Mua bán trái phép chất ma túy**” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Viện kiểm sát bổ sung cáo trạng về thay đổi điều khoản truy tố các bị cáo theo hướng có lợi cho các bị cáo, được quy định tại khoản 18, Điều 1 của Luật 86/2025/QH15 luật sửa đổi một số điều bộ luật hình sự đối với tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 251 (viết tắt Luật sửa đổi một số điều Bộ luật Hình sự 2025).

Tại phiên tòa, kết thúc tranh tụng Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251 luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Hình sự 2025; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Giàng A N 20 năm tù; Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo N .

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 6 Điều 251 luật sửa đổi Bộ luật Hình sự 2025, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Thào A S 20 năm tù; Miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo S ;

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu số Heroine còn lại sau giám định cùng các túi đã được niêm phong để tiêu hủy;

+ Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của bị cáo N ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTELL của bị cáo S cùng hai chiếc xe mô tô của hai bị cáo;

+ Trả lại cho bị cáo Thào A S một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO cùng số tiền 4.600.000 đồng;

+ Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA cho ông Tao Văn L;

- Bị cáo Giàng A N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho bị cáo Thào A S .

Người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt tù có thời hạn, xử lý vật chứng, án phí mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh điều kiện sống của bị cáo S ở khu vực có điều kiện kinh tế văn hóa xã hội khó khăn ít được tuyên truyền pháp luật, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt; hai bị cáo là dân tộc thiểu số, không được đi học nên nhận thức pháp luật có hạn chế; hành vi phạm tội của các bị cáo không có mục đích phạm tội từ đầu (bị cáo N do có người đề nghị tìm mua Heroine nên bị cáo thấy có lợi mà phạm tội, bị cáo S do được thuê vận chuyển để đi bán ma túy cho N), hành vi phạm tội của các bị cáo đã bị phát hiện ngăn chặn kịp thời nên chưa có hậu quả nguy hiểm xảy ra để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: người bào chữa đồng nhất quan điểm áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tội danh, điều luật áp dụng, án phí, xử lý vật chứng đối với các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải không có tình tiết mới; các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định, nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của họ, việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này không ảnh hưởng đến việc xét xử, giải quyết các vấn đề khác của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, bản Kết luận số 1162/GĐ– KTHS, ngày 21/10/2024 và Kết luận số 1163/GĐ– KTHS, ngày 22/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ khẳng định:

Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 19/10/2024, tại khu vực bãi rác thuộc Km 25 + 720, Quốc lộ 4D, địa phận bản H, xã S, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (*nay là tổ dân phố H, phường Đ, tỉnh Lai Châu*) Thào A S bán cho Giàng A N 02 bánh Heroine có khối lượng 696,49 gam với giá 90.000.000 đồng/01 bánh nhưng chưa trả tiền. Sau khi mua được 02 bánh Heroine nói trên N đem cất giấu. Hồi 19 giờ 30 phút, ngày 20/10/2024, Giàng A N đang chuẩn bị giao dịch 02 bánh Heroine mua được cho một người tên là N1 tại khu vực đồi chè thuộc bản C, xã S, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu (*nay là tổ dân phố C, phường Đt, tỉnh Lai Châu*) với giá 100.000.000 đồng/01 bánh thì bị phát hiện bắt giữ cùng toàn bộ tang vật.

Bị cáo S trình bày được người khác thuê vận chuyển 02 bánh Heroine đến bãi rác để bán cho bị cáo N; bị cáo S thừa nhận bản thân là người trực tiếp giao dịch, thỏa thuận mua bán 02 bánh Heroine trên với bị cáo N; bị cáo N khai nhận mua 02 bánh Heroine của bị cáo S để mục đích bán hưởng lợi số tiền chênh lệch. Do vậy, hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo S nhằm mục đích bán và hành vi giao dịch trái phép chất ma túy của bị cáo N nhằm mục đích bán đều là hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta; Bản thân các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi “*Mua bán trái phép chất ma túy*” của các bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì lợi nhuận các bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi mua bán với khối lượng 696,49 gam là tình tiết định khung hình phạt “*Heroine...có khối lượng từ 100 gam trở lên*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Do vậy, dù kết luận bị cáo Giàng A N, Thào A S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật cần chấp nhận. Cụ thể điều luật quy định: “*1: Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;... 4: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:....b, Heroine..... có khối lượng 100 gam trở lên*”

Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước ngày Luật 86/2025/QH15 luật S a đổi một số điều của Bộ luật hình sự, tại khoản 18 Điều 1 của luật sửa đổi Điều 251 quy định: “*khoản 4: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 20 năm hoặc tù chung thân.....b, Heroine..... có khối lượng 100 gam đến dưới 03 kilogam*”.

Do vậy, áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251 Luật sửa đổi một số điều Bộ luật hình sự năm 2025 cho các bị cáo nên đề nghị thay đổi điểm khoản điều, tội danh truy tố đối với các bị cáo của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội nên cần xử phạt nghiêm khắc theo quy định của pháp luật để phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều là dân tộc thiểu số, không được đi học nên phần nào hạn chế về nhận thức pháp luật là tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho các bị cáo theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Riêng bị cáo Giàng A N tích cực cung cấp thông tin chính xác, phối hợp với Cơ quan điều tra bắt giữ bị cáo S, bị cáo N có bố được N nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và Nhà nước Lào tặng thưởng Huy chương giúp cách mạng Lào thuộc tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017; Còn bị cáo Thào A S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội khó khăn nên nhận thức pháp luật hạn chế hơn bị cáo S là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Viện kiểm sát và người bào chữa là có căn cứ chấp nhận.

[4].Về hình phạt: Các bị cáo đều phạm tội với từng hành vi độc lập, riêng lẻ; trong đó bị cáo N là người mua, bị cáo S là người bán nhưng cùng chung khối lượng số Heroine bị thu giữ (696,49 gam). Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo không có tính chất đồng phạm, nhưng nguyên cơ tội phạm trong vụ án xuất phát từ bị cáo Giàng A N nên hình phạt đối với hai bị cáo cần tương xứng.

Bị cáo Giàng A N có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017, và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017, lẽ ra có thể cho bị cáo dưới khung nhưng xét thấy bị cáo đã từng bị kết án chính về tội phạm mua bán trái phép chất ma túy, đã được áp dụng dưới khung để giảm nhẹ hình phạt nay tiếp tục phạm tội với tính chất nghiêm trọng hơn nên áp dụng đầu khung cho bị cáo là đảm bảo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người biết lập công chuộc tội và răn đe, phòng ngừa tội phạm ma túy trên địa bàn tỉnh góp phần phục vụ chính trị địa phương.

Đối với bị cáo S, nhân thân tốt nên cần áp dụng mức hình phạt đầu khung là phù hợp.

Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Về vật chứng: Số Heroine và túi nilon sau giám định đã được niêm phong là vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy; Một điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của bị cáo N, một điện thoại di động nhãn hiệu VIETTELL của bị cáo S cùng hai chiếc xe mô tô của hai bị cáo là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước;

Những vật chứng khác gồm: một điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo S cùng số tiền 4.600.000 đồng của bị cáo S và một điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của ông Tao Văn L không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo cần trả lại chủ sở hữu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung và án phí: Bị cáo Giàng A N nghề nghiệp tự do không có thu nhập ổn định, bị cáo Thào A S hoàn cảnh gia đình thuộc hộ nghèo khó đảm bảo cho công tác thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo theo khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Bị cáo N phải chịu án phí theo quy định, bị cáo S được miễn án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Vấn đề khác: Bị cáo N khai người đàn ông tên N1, là người đặt mua 02 bánh Heroine với bị cáo. Do bị cáo không rõ địa chỉ, lý lịch của người tên N1 nên không có căn cứ điều tra, xử lý trong vụ án là phù hợp.

Kết quả xác minh các số điện thoại: 0852168302 (số bị cáo Thào A S sử dụng) kết quả xác minh người đứng tên đăng ký là Ly Cha X, sinh năm 20xx, trú tại bản P, xã P, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (*nay là P, xã P, tỉnh Lai Châu*); số 0325917xxx (bị cáo N khai là số của đối tượng tên N1), qua xác minh người đăng ký số điện thoại là Giàng A P, sinh năm 19xx, trú tại bản H, xã T, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu (*nay là H, xã T, tỉnh Lai Châu*). Kết quả điều tra X và P không liên quan đến vụ án, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với số điện thoại 08156247xxx (là số bị cáo N sử dụng) người đứng tên đăng ký là Lương Văn T trú tại bản N, xã C, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (*nay là N, xã L, tỉnh Lai Châu*) hiện. Hiện T không có mặt tại địa phương, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh nếu có căn cứ xử lý theo quy định pháp luật là đảm bảo.

Bị cáo S khai đối tượng Sùng A L, sinh năm 19xx, trú tại bản L, xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (*nay là bản L, xã D, tỉnh Lai Châu*) là người đã thuê bị cáo đi bán hộ 02 bánh Heroine cho bị cáo N; ngoài ra ngày 21/10/2024 trước giờ bị bắt cũng chính L đã sử dụng số điện thoại 0829301xxx gọi đến số điện thoại 0852168xxx của S và thuê S bán hộ 01 bánh Heroine cho một người có số điện thoại 0973719xxx để hưởng tiền công 5.000.000 đồng (số tiền này S chi tiêu hết 400.000 đồng, còn lại 4.600.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi bắt S). Cơ quan điều tra đã triệu tập Sùng A L nhiều lần nhưng hiện L không có mặt ở địa phương. Đối với số điện thoại 0829301xxx không xác định được thông tin dữ liệu ai là người đăng ký sử dụng, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý L theo quy định pháp luật là đảm bảo.

Kết quả điều tra xác định số điện thoại 0973719xxx là của Tao Văn L, trú tại bản H, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (*nay là H, xã K, tỉnh Lai Châu*). Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất Tao Văn L nhận có liên lạc với bị cáo S nhưng L không thừa nhận liên lạc để mua Heroine như bị cáo S đã khai. Ngoài lời khai của bị cáo S không có chứng cứ nào chứng minh nên không đủ căn cứ xử lý trách

nhiệm hình sự đối với L trong vụ án và hành vi mua bán ma túy của S cho L là đảm bảo.

Quan điểm đề nghị về hình phạt bổ sung, án phí, vật chứng của Viện kiểm sát và người bào chữa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Giàng A N , Thào A S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 Luật sửa đổi một số điều Bộ luật hình sự năm 2025; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Giàng A N 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo Giàng A N tính từ ngày bị bắt, ngày 20/10/2024.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 Luật sửa đổi một số điều Bộ luật hình sự năm 2025; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Thào A S 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo Thào A S tính từ ngày bị bắt, ngày 21/10/2024.

- Áp dụng khoản 6 Điều 251 Luật sửa đổi một số điều Bộ luật hình sự năm 2025 miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho các bị cáo: Giàng A N, Thào A S.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu để tiêu hủy:

+ 01 (một) hộp niêm phong ghi: Vật chứng còn lại sau khi cân tịnh của Giàng A N , sinh năm 1966, Nơi ĐKTT: Bản T, phường Đ, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Khối lượng còn lại: 689,46 gam nghi là Heroine (Theo hồ sơ, bên trong chứa 689,46 gam Heroine).

+ 01 (một) túi niêm phong ký hiệu PS1 (Mã số: PS1-23011947);

+ 02 (hai) túi niêm phong ký hiệu NS2 (Mã số NS2A 068176, NS2A 068177);

+ 01 (một) túi nilong màu xanh đã qua sử dụng.

- Tịch thu bán hóa giá nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, màu xanh, số IMEI 1:805091055415858, số IMEI 2: 805091055415841, điện thoại cũ đã qua S dụng (của bị cáo Giàng A N);

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím màu đen, nhãn hiệu VIETTEL; Số IMEL 1: 0358069248619531; Số IMEL 2: 0358069248619549, điện thoại cũ đã qua S dụng (của bị cáo Thào A S);

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA-SIRUS RC, màu đỏ đen, biển kiểm soát 25F3-4189, số khung: RLCS5C6106Y016650, số máy: 5C61—016650, xe đã qua S dụng (của bị cáo Giàng A N);

+ 01 (một) xe mô tô HONDA hiệu WAVE RSX, số máy: JA52E0365129, số khung: RLHJA3859NY107463, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 88D1-496.92, xe đã qua sử dụng. Kèm theo chìa khóa và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn

máy, số: 88005630, mang tên Vũ Thị T, sinh năm 1981, địa chỉ C, HS, LT, VP (của bị cáo Thào A S).

- Trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu OPPO có số IMEL 1: 861563058767299; Số IMEL 2: 86156058767281, điện thoại cũ đã qua sử dụng và số tiền 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) đã được niêm phong cho bị cáo Thào A S.

- Trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại bàn phím màu xanh có số IMEL 1: 355406842209322; Số IMEL 2: 355406842209321, điện thoại cũ đã qua sử dụng cho ông Tao Văn L;

(Toàn bộ số phong bì niêm phong, túi niêm phong, điện thoại, xe máy, túi ni lông, số tiền trên hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu có đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản hồi 10 giờ 45 phút, ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Lai Châu và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu (Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nay là thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu)).

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

- Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Giàng A N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Thào A S.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo Giàng A N, Thào A S có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tối cao trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (PV06, PC02);
- Trại tạm giam C.A tỉnh;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà